

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ ATN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ ATN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ATN VIET NAM INVESTMENT CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ATN VIET NAM

2. Mã số doanh nghiệp: 0108142384

3. Ngày thành lập: 22/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 21 ngõ 365 Phố Vọng,, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.36280340

Fax: 024.36280340

Email: info.namhanoi@gmail.com

Website: namhanoigroup.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
2.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
3.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
5.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
6.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
9.	Bán buôn thực phẩm	4632
10.	Bán buôn đồ uống	4633
11.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
21.	Bán buôn tổng hợp	4690
22.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
23.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
24.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
25.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
26.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
27.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
28.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
29.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
30.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
31.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
32.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
33.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
34.	Cổng thông tin	6312
35.	In ấn	1811
36.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
37.	Sao chép bản ghi các loại	1820
38.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
39.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
40.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
41.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
42.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
43.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
44.	Khai thác và thu gom than non	0520
45.	Khai thác quặng sắt	0710
46.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
47.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
48.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
49.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
50.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
51.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
52.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322

53.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
54.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
55.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
56.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
57.	Sản xuất giày dép	1520
58.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
59.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
60.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
61.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
62.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
63.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
64.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
65.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
66.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
67.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
68.	Đúc sắt, thép	2431
69.	Đúc kim loại màu	2432
70.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
71.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
72.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
73.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
74.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
75.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
76.	Xây dựng nhà các loại	4100
77.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
78.	Xây dựng công trình công ích	4220
79.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
80.	Phá dỡ	4311
81.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
82.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
83.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
84.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
85.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
86.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
87.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511

88.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
89.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
90.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
91.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
92.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
93.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
94.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
95.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
96.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
97.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
98.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
99.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
100.	Cơ sở lưu trú khác	5590
101.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
102.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
103.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
104.	Xuất bản phần mềm	5820
105.	Lập trình máy vi tính	6201
106.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
107.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
108.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
109.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản ((Không bao gồm hoạt động đấu giá)	6820
110.	Cho thuê xe có động cơ	7710

111.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch thuật - Tư vấn về công nghệ khác;	7490(Chính)
112.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
113.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
114.	Đại lý du lịch	7911
115.	Điều hành tua du lịch	7912
116.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
117.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
118.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
119.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
120.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
121.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
122.	Dịch vụ đóng gói	8292
123.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
124.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
125.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
126.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội – ngoại thất công trình; Thiết kế điện – cơ điện công trình; Thiết kế cấp – thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng Giám sát thi công xây dựng công trình Thi công xây dựng công trình Tư vấn đấu thầu	7110
127.	Quảng cáo	7310
128.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
129.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
130.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
131.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa(Không bao gồm hoạt động đấu giá)	8299

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LAI MANH TRƯỜNG	Xóm 7,, Xã Đông Vinh, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	385.000	3.850.000.000	64,160	C2168801	
			Tổng số	385.000	3.850.000.000	64,160		
2	NGUYỄN HUY TRỌNG	Thôn Liễu Ngạn,, Xã Ngũ Thái, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	7,500	125057757	
			Tổng số	45.000	450.000.000	7,500		
3	NGHIÊM THỊ KIM LIÊN	Số 20 Ngõ 365 Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	85.000	850.000.000	14,170	012425453	
			Tổng số	85.000	850.000.000	14,170		
4	ĐINH VĂN CHỨC	Thôn Đoài , Xã Châu Giang, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	85.000	850.000.000	14,170	0350780014 45	
			Tổng số	85.000	850.000.000	14,170		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	--	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGHIÊM THỊ KIM LIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/05/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012425453

Ngày cấp: 18/04/2009

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 20 Ngõ 365 Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 20 Ngõ 365 Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội